TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ Đ
TỈNH QUẢNG TRỊ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 06/2020/KDTM-ST
Ngày: 26/10/2020
"*T/c Hợp đồng mua bán hàng hóa* "

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Đ, TỈNH QUẢNG TRỊ

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Bà Hồ Thị Xuân Hương.
- *Các Hội thẩm nhân dân:*

+ Ông Trần Đình Khương;

+ Bà Lê Thị Cúc.

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Nguyễn Thị Thu Phượng - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Đ.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ tham gia phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Diệu Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 26/10/2020, tại Hội trường Toà án nhân dân thành phố Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh, thương mại thụ lý số 08/2020/TLST-KDTM ngày 19 tháng 5 năm 2020 về việc "*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2020/QĐXXST- KDTM ngày 18 tháng 8 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2020/QĐST- KDTM ngày 16 tháng 9 năm 2020 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 01/2020/QĐST-KDTM ngày 29/9/2020, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Công ty cổ phần bê tông V; địa chỉ: Số 36 Lê Thánh T, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trần Văn V; Địa chỉ: Số 11B Nguyễn Chí T, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị (Theo Giấy ủy quyền ngày 28/02/2020), có mặt.

*** Bị đơn:** Công ty cổ phần xuất nhập khẩu và xây dựng B; Địa chỉ: Số 268Đ Trần Nguyên H, phường N, quận L, thành phố Hải Phòng.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Lê Quý B– Giám đốc Công ty, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện đề ngày 28 tháng 02 năm 2020, gửi qua dịch vụ bưu chính ngày 24/4/2020, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn Công ty cổ phần bê tông V do người đại diện hợp pháp là ông Trần Văn V trình bày: Ngày 11/4/2017, Công ty cổ phần bê tông V (*Sau đây viết tắt là: Công ty V*)

và Công ty cổ phần xuất nhập khẩu và xây dựng B (*Sau đây viết tắt là: Công ty B*) đã ký kết Hợp đồng kinh tế số 55/HĐKT/2017/XNK-VP; ngày 12/4/2017, ký Hợp đồng kinh tế số 56/HĐKT/2017/XNK-VP với nội dung: Bên A (Công ty B) đồng ý mua, bên B (Công ty V) đồng ý bán các chủng loại ống cống tròn bê tông cốt thép đúc sẵn cho bên A, phục vụ thi công một số hạng mục thuộc gói thầu số 2, xây dựng tuyến đường Phường 2 đi phường Đông Lương, Đông Lễ thành phố Đ. Hai bên thỏa thuận về quy cách; tiêu chuẩn của vật tư cung cấp cho gói thầu; chất lượng, khối lượng đơn giá; phương thức thanh toán. Theo đó, trong thời gian 10 ngày kể từ ngày ký kết hợp đồng bên A tạm ứng cho bên B 10% giá trị hợp đồng (hoặc 50% giá trị của từng đợt yêu cầu cấp vật tư). Vào ngày cuối tháng căn cứ vào phiếu giao nhận hàng, hai bên tiến hành đối chiếu khối lượng và công nợ. Trên cơ sở đó bên B xuất hóa đơn giá trị gia tăng (*Sau đây viết tắt là: GTGT*); bên A trả 100% tiền hàng trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày bên A nhận được hóa đơn từ bên B. Trong thời gian chờ thanh toán bên B vẫn cung cấp vật tư theo yêu cầu của bên A. Nếu quá thời gian trên mà bên A chưa thanh toán tiền cho bên B thì bên B sẽ dừng cung cấp vật tư cho bên A cho đến khi nhận đủ tiền. Sau 30 ngày kể từ ngày bên A nhận được hóa đơn của bên B mà chưa được thanh toán thì bên A phải trả lãi cho bên B theo lãi suất ngân hàng tại thời điểm bên B xuất hóa đơn thuế GTGT cho bên A trước khi thanh toán.

Quá trình thực hiện, Công ty V đã thực hiện theo đúng Hợp đồng, đảm bảo việc cung cấp hàng hóa đúng chất lượng, số lượng, quy cách, tiến độ và giao hàng đúng địa điểm mà hai bên đã thống nhất tại hợp đồng.

Tại 02 (hai) Biên bản nghiệm thu và thanh lý hợp đồng được ký cùng ngày 22/5/2018, hai bên đã thống nhất như sau:

- Đối với Hợp đồng kinh tế số 55/HĐKT/2017/XNK-VP ngày 11/4/2017có giá trị thanh lý: 450.295.000 đồng; số tiền Công ty B đã thanh toán: 162.908.000 đồng; số tiền Công ty B còn nợ: 287.387.000 đồng.

- Đối với Hợp đồng kinh tế số 56/HĐKT/2017/XNK-VP ngày 12/4/2017. Giá trị thanh lý: 865.074.000 đồng; số tiền Công ty B đã thanh toán: 678.320.000 đồng; số tiền Công ty B còn nợ: 186.754.000 đồng.

Công ty V yêu cầu Tòa án buộc Công ty B phải thanh toán số tiền mua hàng hóa còn nợ là: 474.141.000 đồng *(Bốn trăm bảy mươi bốn triệu, một trăm bốn mươi mốt nghìn đồng chẵn).*

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc Công ty B phải thanh toán số tiền mua hàng hóa còn nợ là: 474.141.000 đồng *(Bốn trăm bảy mươi bốn triệu, một trăm bốn mươi mốt nghìn đồng chẵn).*

Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nên không hòa giải được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đông Hà phát biểu:

Tòa án nhân dân thành phố Đông Hà thụ lý vụ án theo đơn khởi kiện của Công ty V đúng thẩm quyền. Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Thẩm phán đã thực hiện đảm bảo về trình tự thủ tục tố tụng theo quy định; tại phiên Tòa Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng trình tự; những người tham gia tố tụng chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

Đối với việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 24; Điều 50; Điều 317 và 319 Luật thương mại, xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần bê tông V buộc Công ty B thanh toán số tiền 474.141.000 đồng *(Bốn trăm bảy mươi bốn triệu, một trăm bốn mươi mốt nghìn đồng chẵn)*.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng:

-Về quan hệ tranh chấp và Thẩm quyền giải quyết: Hợp đồng số 55/HĐKT/2017/XNK-VP và Hợp đồng 56/HĐKT/2017/XNK-VP được ký kết giữa Công ty V với Công ty B về mua bán vật tư xây dựng là hợp đồng mua bán hàng hóa cả hai bên đều nhằm mục đích lợi nhuận được luật thương mại điều chỉnh. Đây là "*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*" trong lĩnh vực kinh doanh, thương mại được quy định tại Khoản 1 Điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện. Hợp đồng được thực hiện tại thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị nên nguyên đơn có quyền lựa chọn Tòa án giải quyết là Tòa án nơi hợp đồng được thực hiện quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 35; Điểm g Khoản 1 Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về sự vắng mặt bị đơn: Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử thông qua dịch vụ bưu chính nhưng bị đơn vẫn không đến tham gia tố tụng tại Tòa án nên cần xét xử vắng mặt Công ty B theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 BLTTS.

Về thời hiệu khởi kiện: Mặc dù các đương sự không yêu cầu xem xét về thời hiệu khởi kiện. Tuy nhiên, do bị đơn không đến Tòa án nên cần xem xét thời hiệu khởi kiện. Ngày 22/5/2018, hai bên ký biên bản nghiệm thu thanh lý hợp đồng. Ngày 24/4/2020, Công ty V nộp đơn khởi kiện là trong thời hiệu khởi kiện.

[2] . Về nội dung: Xem xét các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, thấy rằng:

Các Hợp đồng số 55/HĐKT/2017/XNK-VP ngày 11/4/2017 và Hợp đồng số 56/HĐKT/2017/XNK-VP ngày 12/4/2017 giữa Công ty V và Công ty B (do người đại diện theo ủy quyền của các Công ty) ký kết, đã phát sinh hiệu lực. Theo đó, Công ty V đã bán cho Công ty B chủng loại ống cống tròn bê tông cốt thép đúc

sẵn để Công ty B thi công một số hạng mục thuộc gói thầu số 2, xây dựng tuyến đường Phường 2 đi phường Đông Lương, Đông Lễ thành phố Đ, Cụ thể:

* Hợp đồng số 55/HĐKT/2017/XNK-VP ngày 11/4/2017 đã bán:

+ Ống cống BTLT D300-VH số lượng 4m x đơn giá 308.000 đồng thành tiền là: 1.232.000 đồng;

+ Ống cống BTLT D600-VH số lượng 786m x đơn giá 445.500 đồng thành tiền là: 350.163.000 đồng;

+ Ống cống BTLT D1000-HL93 số lượng 86m x đơn giá 1.150 đồng thành tiền là: 98.900.000 đồng;

Tổng giá trị Công ty V đã bán cho Công ty B Hợp đồng số 55/HĐKT/2017/XNK-VP là 450.295.000 đồng.

Đồng thời, Công ty V đã xuất 05 hóa đơn GTGT: Số VP/15P 0000100 ngày 31/5/2017, số tiền 93.824.000 đồng; Số VP/15P 0000114 ngày 30/6/2017, số tiền 65.084.000 đồng; Số VP/15P 0000126 ngày 31/7/2017, số tiền 186.509.000 đồng; Số VP/15P 0000143 ngày 31/8/2017, số tiền 93.295.000 đồng và Số VP/15P 0000195 ngày 31/12/2017, số tiền 11.583.000 đồng.

* Hợp đồng số 56/HĐKT/2017/XNK-VP ngày 12/4/2017 đã bán:

+ Ống cống BTLT D300-VH số lượng 76m x đơn giá 308.000 đồng thành tiền là: 23.408.000 đồng;

+ Ống cống BTLT D600-VH số lượng 1.260m x đơn giá 445.500 đồng thành tiền là: 561.330.000 đồng;

+ Ống cống BTLT D800-VH số lượng 268m x đơn giá 680.000 đồng thành tiền là: 182.240.000 đồng;

+ Ống cống BTLT D1200-VH- AD số lượng 50m x đơn giá 1.520 đồng thành tiền là: 76.000.000 đồng;

+ Ống cống BTLT D1000-HL93 số lượng 16m x đơn giá 1.150 đồng thành tiền là: 18.400.000 đồng;

+ Ống cống BTLT D600-HL93 số lượng 8m x đơn giá 462.000 đồng thành tiền là: 3.696.000 đồng;

Tổng giá trị Công ty V đã bán cho Công ty B Hợp đồng số 56/HĐKT/2017/XNK-VP là 865.074.000 đồng.

Đồng thời, Công ty V đã xuất 07 hóa đơn GTGT: Số VP/15P 0000099 ngày 31/5/2017, số tiền 282.136.000 đồng; Số VP/15P 0000113 ngày 30/6/2017, số tiền 115.201.000 đồng; Số VP/15P 0000125 ngày 31/7/2017, số tiền 162.378.000 đồng; Số VP/15P 0000142 ngày 31/8/2017, số tiền 118.605.000 đồng; Số VP/15P 0000194 ngày 31/12/2017, số tiền 40.018.000 đồng; Số VP/15P 0000209 ngày 31/3/2018, số tiền 88.821.000 đồng và Số VP/15P 0000222 ngày 29/4/2018, số tiền 57.915.000 đồng.

Ngày 22/5/2018, Công ty V và Công ty B đã tiến hành nghiệm thu và thanh lý các Hợp đồng số 55/HĐKT/2017/XNK-VP ngày 11/4/2017 và Hợp đồng số 56/HĐKT/2017/XNK-VP ngày 12/4/2017. Tại 02 (hai) Biên bản nghiệm thu và thanh lý hợp đồng được ký cùng ngày 22/5/2018, hai bên đã thống nhất như sau:

Đối với Hợp đồng kinh tế số 55/HĐKT/2017/XNK-VP ngày 11/4/2017.

- Giá trị thanh lý: 450.295.000 đồng
- Số tiền Công ty B đã thanh toán: 162.908.000 đồng
- Số tiền Công ty B còn nợ: **287.387.000** đồng.

Đối với Hợp đồng kinh tế số 56/HĐKT/2017/XNK-VP ngày 12/4/2017.

- Giá trị thanh lý: 865.074.000 đồng
- Số tiền Công ty B đã thanh toán: 678.320.000 đồng
- Số tiền Công ty B còn nợ: **186.754.000** đồng.

Bên A (Công ty B) phải thanh toán hết cho bên B (Công ty V) ngay sau khi biên bản thanh lý hợp đồng được ký kết. Tuy nhiên, Công ty B không thanh toán số tiền còn nợ cho Công ty V. Ngày 04/5/2019, Công ty V đã gửi các Công văn số 19/CV-VP và 20/CV-VP cho Công ty B yêu cầu công ty B thanh toán số tiền còn nợ nếu không thanh toán thì khởi kiện. Do đó, Công ty V yêu cầu Công ty B phải thanh toán cho Công ty V số tiền 474.141.000 đồng *(Bốn trăm bảy mươi bốn triệu, một trăm bốn mươi mốt nghìn đồng chẵn).*

Tại Công văn số 2791/CT-TTKT2 ngày 24/9/2020 của Cục thuế thành phố Hải Phòng đã xác nhận: Công ty cổ phần XNK và xây dựng B – MST:0200819 đã kê khai thuế đối với 12 số hóa đơn GTGT của Công ty cổ phần bê tông V.

Như vậy, Công ty B đã xác định số tiền còn nợ của các hợp đồng đã ký kết. Mặc dù bị đơn không có văn bản trình bày ý kiến, nhưng trên cơ sở các Biên bản nghiệm thu thanh lý hợp đồng, xác nhận của Cục thuế thành phố Hải Phòng. Có đủ căn cứ, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc Công ty B phải thanh toán cho Công ty V số tiền 474.141.000 đồng *(Bốn trăm bảy mươi bốn triệu, một trăm bốn mươi mốt nghìn đồng chẵn).*

Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí. Bị đơn phải chịu án phí đối với số tiền buộc phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán (20.000.000đ +74.141.000đ x 4% = 22.965.600 đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng Điểm b khoản 1 Điều 35; Điểm g Khoản 1 Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 24; Điều 50; Điều 317 và 319 Luật thương mại; Điều 29 Nghị quyết 326 của UBTV Quốc hội, xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần bê tông Bê tông. Buộc Công ty cổ phần xuất nhập khẩu và xây dựng B phải thanh toán số tiền còn nợ 474.141.000 đồng *(Bốn trăm bảy mươi bốn triệu, một trăm bốn mươi mốt nghìn đồng chẵn)*.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không chịu thi hành khoản tiền trên, thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi tương ứng với số tiền còn phải thi hành án, tại thời điểm thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

2. Về án phí:

+ Công ty cổ phần xuất nhập khẩu và xây dựng B phải chịu 22.965.600 đồng *(Hai mươi hai triệu chín trăm chín mươi sáu ngàn sáu trăm đồng chẵn)* án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm.

+ Công ty cổ phần bê tông V không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Hoàn trả cho Công ty cổ phần bê tông V số tiền tạm ứng án phí đã nộp 11.483.000đồng theo biên lai số AA/2018/0000505 ngày 11/5/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đ.

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được giao hoặc niêm yết./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- VKSND, Chi cục THADS TP. Đông Hà;
- TAND tỉnh Quảng Trị;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Hồ Thị Xuân Hương